

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 31- 10 - 2019

V/v ly hôn giữa chị Thoa và anh Vinh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thùy;

Ông Trần Đình Phần.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Không Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:180/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06/9/2019, về việc “ Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Thông báo xét xử vụ án số: 85/2019/TBXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn V, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “ vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

Bà Cao Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn V kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 16 tháng 12 năm 2011 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lỗi

sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra anh V còn mắc nghiện ma túy, chị và gia đình đã đưa anh V đi cai nghiện nhiều lần nhưng anh V không từ bỏ được ma túy mà ngày càng lún sâu vào nghiện ngập. Chán nản cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đầu năm 2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ không còn hạnh phúc cũng như để giải thoát cho chị nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Đỗ Văn V.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Văn V có 02 con chung tên là Đỗ Thị B N, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2013; hiện con đang ở với chị và Đỗ Hoàng H, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2014; hiện con đang ở anh V và ông bà nội. Khi ly hôn xin nhận tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con N, còn để anh V nuôi con H; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn V đã được Tòa án nhân dân huyện X tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp và hòa giải, giấy báo đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt nhưng thông qua mẹ đẻ là bà Cao Thị M để có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T

Kết quả làm việc với bà Cao Thị M là mẹ đẻ của anh Đỗ Văn V, bà M trình bày: Anh V và chị Ngô Thị T là người cùng xã, tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/12/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh Vinh chị T ở cùng với vợ chồng bà tại xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng anh V chị T chung sống hòa thuận hạnh phúc. Thời gian gần đây anh V bị bạn bè rủ rê lôi kéo mắc nghiện chất ma túy nên vợ chồng chị T anh V mâu thuẫn, vợ chồng cãi chửi nhau. Gia đình cũng đã động viên khuyên giải, đưa anh V đi cai nghiện ma túy nhiều lần nhưng anh V không cai được nghiện. Từ đầu năm 2018 đến nay vợ chồng chị T anh V sống ly thân, anh V ở nhà bà còn chị T về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 13, xã X

Khi chị Thoa làm đơn ly hôn, chị T cũng có gửi đơn ly hôn cho anh V về nhà bà. Tòa án cũng đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án số 180/2019/TB - TLVA ngày 06/9/2019 và các giấy báo anh V đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp hòa giải. Các giấy tờ do chị T và Tòa án gửi qua đường bưu điện cho anh V, bà đều đã nhận được. Tất cả các giấy tờ này bà cũng đã thông báo ngay cho anh V biết nhưng anh V nói anh đang bận làm ăn ở trong Thành phố Hồ Chí Minh anh không về Tòa án làm việc. Anh V có nhờ bà khi Tòa án về làm việc thì nhờ bà trình bày hộ anh Vinh là: Chị Thoa làm đơn ly hôn, anh V cũng xác định vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên anh V hoàn toàn nhất trí ly hôn chị T.

Vợ chồng anh Vinh chị T có hai con chung là Đỗ Thị Bảo N, sinh ngày 31/01/2013 và Đỗ Hoàng H, sinh ngày 14/10/2014. Hiện nay cháu H đang ở

với vợ chồng bà, cháu N đang ở với chị T. Anh V đề nghị Tòa án khi giải quyết ly hôn anh Vinh được trực tiếp nuôi cháu Hải, để chị Thoa trực tiếp nuôi cháu Ngọc, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Vinh và chị Thoa không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế với ai, không liên quan kinh tế gì với gia đình bà nên anh V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh V nhờ bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh V.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã Xuân V: Chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn V, sinh năm 1990 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân V cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/12/2011. Sau khi kết hôn anh Vinh chị T sống cùng với bố mẹ anh V là ông K, bà M tại xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn chính và chủ yếu là do anh V mắc nghiện chất ma túy, anh V không chịu làm ăn. Anh V và chị T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị T muốn ly hôn từ lâu nhưng gia đình ông bà M cũng đã động viên khuyên giải chị T nhiều lần, muốn níu kéo nhưng do không thể chịu đựng được nên chị T đã làm đơn ly hôn. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để chị T ly hôn anh V

Về con chung: Anh V và chị T có hai con chung tên là Đỗ Thị Bảo N, sinh ngày 31/01/2013 và Đỗ Hoàng H, sinh ngày 14/10/2014. Hiện nay cháu H đang ở với ông bà nội là ông K, bà M, cháu N đang ở với chị T. Chị T có ý kiến khi ly hôn chị nhận nuôi cháu N. Theo như ý kiến của anh V thông qua bà M (mẹ đẻ anh V) anh V nhận nuôi cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các đương sự.

Về tài sản: Anh V và chị T không có tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Các đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Về nội dung: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn V. Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung tên là Đỗ Thị Bảo N, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2013; hiện con đang ở với chị T và Đỗ Hoàng H, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2014; hiện con đang ở anh V và ông K, bà M. Căn cứ vào: Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đỗ Thị Bảo N; giao cho anh Đỗ Văn V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đỗ Hoàng H hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị Thoa đã chấp hành theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Văn Vinh không chấp hành theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn V có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2011 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ngoài ra do anh V mắc vào tệ nạn xã hội. Chị T xin ly hôn, quan điểm của anh V thông qua người thân là bà Cao Thị M là nhất trí ly hôn. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh V không tồn tại, sống với nhau không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn V là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn V có 02 con chung tên là Đỗ Thị Bảo N, sinh ngày 31/01/2013 và Đỗ Hoàng H, sinh ngày 14/10/2014. Khi ly hôn chị T xin nhận nuôi con N, còn để anh V nuôi con H, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V thông qua người thân nhất trí với ý kiến của chị T. Xét thấy, chị T và anh V thống nhất được việc nuôi con là phù hợp với pháp luật và thực tế. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Giao cho chị Ngô Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con N; giao cho anh Đỗ Văn V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con H, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị T và anh V không có tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn V.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đỗ Thị Bảo N, sinh ngày 31/01/2013; giao cho anh Đỗ Văn V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đỗ Hoàng H, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2014. Chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con do mình không trực tiếp nuôi dưỡng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Ngô Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001623 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Nam Định; chị Ngô Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(dã ký)**

Phạm Ngọc Long

